

Số: 180/2024/QĐST-VHNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2024/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông Nguyễn Tùng A, sinh năm: 1974; địa chỉ: số B, đường Y, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trương Thị Uyên N, sinh năm: 1974; địa chỉ: số B, đường V, tổ E, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/9/2024, ông Nguyễn Tùng A và bà Trương Thị Uyên N đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông A và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Trương Hoàng A1, sinh ngày 09/01/2002 và Nguyễn Trương Phúc A2, sinh ngày 07/12/2007. Đối với con chung là Nguyễn Trương Hoàng A1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Nguyễn Trương Phúc A2,

sau khi ly hôn, ông **A1** và bà **N** thỏa thuận giao cháu **A2** cho bà **N** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông **A1** và bà **N** tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông **A1** và bà **N** thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông **Nguyễn Tùng A** và bà **Trương Thị Uyên N** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí bà **N** đã nộp và nộp thay ông **A** theo biên lai thu số 0002375 ngày 16/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Tùng A** và bà **Trương Thị Uyên N** thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giao con chung là **Nguyễn Trương Phúc A2**, sinh ngày 07/12/2007 cho bà **Trương Thị Uyên N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với con chung là **Nguyễn Trương Hoàng A1** đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông **Nguyễn Tùng A** và bà **Trương Thị Uyên N** tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[1.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Nguyễn Tùng A** và bà **Trương Thị Uyên N** thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Ông **Nguyễn Tùng A** và bà **Trương Thị Uyên N** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí bà **N** đã nộp và nộp thay ông **A** theo biên lai thu số 0002375 ngày 16/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (GCNKH số 100 ngày 20/10/2000).
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ái Ngân